TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyến - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 65/TB-TA ngày 31/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Văn Ph** - sinh năm 1983, Nơi ĐKHKTT: Số nhà 70/9 TK, khu 3, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Nh** - sinh 1984, Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Số nhà 70/9 TK, khu 3, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: CHLB Đức.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Văn Kh** - sinh năm 1946 (bố đẻ chị Nh), địa chỉ: Thôn AT, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Anh Ph, chị Nh và ông Kh đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Ph trình bày:* Anh và chị Nh kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/11/2006. Sau ngày cưới, vợ chồng anh tổ chức cuộc sống tại gia đình bố mẹ đẻ. Đến năm 2012 vợ chồng

mua nhà đất ở khu 3, phường TB, thành phố HD. Vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh muốn vợ chồng làm ăn ở nhà để cùng nuôi dạy con chung nhưng chị Nh vẫn muốn đi ra ngoài làm ăn và sang Cộng hòa liên bang Đức lao động, thời gian đầu vợ chồng thỉnh thoảng vẫn còn liên lạc, nhưng sau đó anh chị không liên lạc với nhau nữa vì chị Nh không muốn về Việt Nam sinh sống, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh có nghề lái xe Bắc Nam thường xuyên không ở nhà nên đã gửi 02 con về cho gia đình ông Kh là bố mẹ đẻ chị Nh trông nom, chăm sóc giúp anh chị từ năm 2019. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nh để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 09/10/2007 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 23/02/2012, hiện đang ở cùng ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn Kh. Nay anh xét thấy các con của anh được gia đình chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo ổn định cuộc sống, anh và chị Nh vẫn gửi tiền chăm sóc con chung. Chị Nh có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh đóng góp tiền nuôi con, anh hoàn toàn nhất trí, anh có trách nhiệm gửi tiền nuôi các con không nhờ Tòa án can thiệp giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không cung cấp được địa chỉ của chị Nh tại Cộng hòa liên bang Đức vì chị Nh không cho anh biết địa chỉ.

- *Ông Nguyễn Văn Kh (bố đẻ chị Nh) trình bày*: Chị Nh và anh Ph tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã TV, huyện TH và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo Ph tục. Sau ngày cưới, chị Nh về gia đình anh Ph tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận, anh chị vẫn bảo ban nhau làm ăn, nuôi dạy con chung. Chị Nh đi làm công nhân, còn anh Ph làm nghề lái xe Bắc Nam thường xuyên xa nhà. Cuối năm 2018, chị Nh đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, anh chị gửi các cháu về cho gia đình ông trông nom, nuôi dưỡng giúp và anh chị vẫn gửi tiền về nuôi các con. Ông liên lạc với chị Nh cho biết mâu thuẫn của anh chị do không còn tin tưởng nhau, thường xuyên nghi ngờ lòng chung thủy dẫn đến bất đồng quan điểm, chị Nh không muốn quay lại chung sống với anh Ph nữa. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho chị Nh biết về việc anh Ph làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Chị Nh không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy

nhiên, qua điện thoại chị Nh có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, níu kéo, mỗi người sống một nơi, không còn tin tưởng nhau nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Về con chung: Chị Nh đề nghị được nuôi cả 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh Ph phải đóng góp tiền nuôi con và nhờ ông chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Nh ở nước ngoài. Ông nhất trí chăm sóc các cháu giúp chị Nh vì thực tế các cháu đang ở với ông từ năm 2019 vẫn đảm bảo ổn định cuộc sống; Về tài sản: chị Nh không yêu cầu giải quyết.

Tại công văn số 9900/QLXNC-P5 ngày 26/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 02/6/1984, CMND số 142169704, khai địa chỉ thường trú tại: xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương; đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số C3970319 ngày 18/9/2017, có giá trị đến 18/9/2027, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 18/10/2018 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật, tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Ph và ông Nguyễn Văn Kh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph và ông Kh.

Chị Nguyễn Thị Nh là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại CHLB Đức nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên chị Nh vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu anh Ph cũng như ông Kh (bố đẻ chị Nh) cung cấp địa chỉ của chị Nh nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ chị Nh là ông Nguyễn Văn Kh và yêu cầu ông Kh cung cấp địa chỉ của chị Nh tại CHLB Đức, chị Nh vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng không cho biết địa chỉ. Do vậy Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Nh thông qua gia đình, đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai để thông báo nội dung văn bản cho chị Nh biết là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ph chị Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/11/2006. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thống nhất để xây dựng cuộc sống chung, mỗi người sống một nơi, dẫn đến không tin tưởng, nghi nhờ sự chung thủy, cả hai anh chị đều không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Ph xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, thông qua gia đình chị Nh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho anh Ph được ly hôn chị Nh là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Ph, chị Nh có 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 09/10/2007 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 23/02/2012. Hiện các cháu đang ở cùng gia đình chị Nh từ năm 2019 đến nay, chị Nh ở nước ngoài vẫn gửi tiền về cho ông Kh (bố đẻ chị Nh) để nuôi con. Chị Nh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng tiền nuôi các con. Ông Kh xác định ông cùng gia đình đang chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu vẫn đảm bảo ổn định cuộc sống, được ăn học đầy đủ, ông nhất trí chăm sóc các cháu thay chị Nh trong thời gian chị ở nước ngoài, ngoài ra các cháu cũng bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Hiện tại anh Ph làm nghề lái xe Bắc Nam thường xuyên đi xa nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên anh cũng nhất trí giao chị Nh và gia đình ông Kh tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Việc anh Ph và chị Nh thống nhất được với nhau về việc nuôi con là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận giao 02 con chung cho chị Nh tiếp tục nuôi

dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu Kiên và cháu Linh cho ông Nguyễn Văn Kh chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Nh không có mặt tại Việt Nam.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh Ph, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Ph là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Ph được ly hôn chị Nguyễn Thị Nh.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 09/10/2007 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 23/02/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung. Tạm giao cháu K và cháu L cho ông Nguyễn Văn Kh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Nh về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0002694 ngày 04/6/2020. Anh Ph đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Ph và ông Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Nh đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TV, huyện TH, tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang